

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 17 - 7 - 2023.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực;

Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê H Như - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Danh Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp Lợi Đức, xã Long Đức, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 08/5/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Danh Thị H trình bày: Vào năm 2006, bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 19/8/2010. Sau khi kết hôn ông Ngô Văn T và bà Danh Thị H sống hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T không chung sống từ tháng 09/2022 cho đến nay. Trong quá trình chung sống ông Ngô Văn T và bà Danh Thị H có hai người con chung tên Ngô Quốc K, sinh ngày 15/02/2006 và Ngô Quốc T, sinh ngày 24/4/2010. Hiện con chung đang sống với bà H. Về tài sản chung tự thỏa

thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Danh Thị H yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có nên bà H không yêu cầu gì.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2023 bị đơn ông Ngô Văn T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Danh Thị H về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà H thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Tôn trọng ý kiến của con chung muốn sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và người còn lại không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; giao cháu Ngô Quốc K, sinh ngày 15/02/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và giao cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 24/4/2010 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà H và ông T không cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; về nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 24/4/2023, nguyên đơn bà Danh Thị H trình bày: Bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 19/8/2010. Bà Danh Thị H yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn T; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung; về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có nên bà H không yêu cầu gì. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Trong vụ án, bị đơn ông Ngô Văn T cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 19/8/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung ông bà thường xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã qua lại, mâu thuẫn kéo dài từ đó cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Bà H và ông T đã không chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ngô Văn T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như bà H trình bày và ông T đồng ý ly hôn với nguyên đơn bà Danh Thị H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải đề động viên vợ chồng bà H và ông T đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn vắng mặt và bà H vẫn kiên quyết ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà H và ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[5] Về con chung: Bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T xác định trong thời gian chung sống, bà H và ông T có 02 người con chung là Ngô Quốc K, sinh ngày 15/02/2006 và Ngô Quốc T, sinh ngày 24/4/2010; bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên nhưng trong quá trình giải quyết vụ án do tôn trọng ý kiến của con chung nên bà H và ông T cho con chung có ý kiến sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và người còn lại không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bà Danh Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu T. Đồng thời bà H giao cháu Ngô Quốc K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến thành niên và bà H không cấp dưỡng nuôi cháu K. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án khi ghi nhận ý kiến thì cháu K có nguyện vọng sống chung với ông T và cháu T có nguyện vọng sống chung với bà H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu Thái cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 94 của Luật hôn

nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T mà không ai được cản trở.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung: Bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Danh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ngô Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 92 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Danh Thị H được ly hôn với ông Ngô Văn T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Ngô Quốc T, sinh ngày 24/4/2010 cho bà Danh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và ông Ngô Văn T không cấp dưỡng cho cháu T. Giao cháu Ngô Quốc K, sinh ngày 15/02/2006 cho ông Ngô Văn T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và bà Danh Thị H không cấp dưỡng cho cháu K. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.4. Về nợ chung: Bà Danh Thị H và ông Ngô Văn T xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Danh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006929 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Danh Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ngô Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh